

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 22 – 8 – 2024  
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ong Văn Đủ.

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thu Khiêm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.**

**- Bị đơn:** Bà **Nguyễn Kim D**, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2024 và các lời khai tại Tòa án ông **Trần Thanh T** (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà **Nguyễn Kim D** chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay ông yêu cầu ly hôn với bà **Nguyễn Kim D**.

Về con chung: Có 02 con chung tên **Trần Kim M**, sinh ngày 16/4/1998 và **Trần Mỹ K**, sinh ngày 24/11/2002. Hiện tại, các con đã trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà **Nguyễn Kim D** (bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Bà thống nhất với nội dung trình bày của ông **Trần Thanh T**, vợ chồng chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nên đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Do hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên bà đồng ý ly hôn với ông **Trần Thanh T**.

Về con chung: Có 02 con chung tên **Trần Kim M**, sinh ngày 16/4/1998 và **Trần Mỹ K**, sinh ngày 24/11/2002. Hiện tại, các con đã trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn ông **Trần Thanh T** và bị đơn bà **Nguyễn Kim D** có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **T**, bà **D** theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền*:

Tranh chấp giữa ông **Trần Thanh T** với bà **Nguyễn Kim D** là tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà **Nguyễn Kim D** có địa chỉ cư trú tại **ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau**. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] Về hôn nhân: Ông **Trần Thanh T** và bà **Nguyễn Kim D** chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã **Đ, huyện C** xác nhận ngày 15/7/2024. Do đó, hôn nhân của ông, bà không có giá trị pháp lý. Qua mâu thuẫn giữa ông **T** và bà **D** như ông, bà đã trình bày, mặc dù bà **D** đồng ý ly hôn với ông **T** nhưng do ông, bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông **T** và bà **D** là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Ông **T** và bà **D** thống nhất có 02 con chung tên **Trần Kim M**, sinh ngày 16/4/1998 và **Trần Mỹ K**, sinh ngày 24/11/2002. Hiện tại, các con đã trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Ông **T** và bà **D** thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ thu, nợ trả: Ông **T** và bà **D** thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông **T** phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51 và 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

[1] *Về hôn nhân*: Không công nhận ông **Trần Thanh T** với bà **Nguyễn Kim D** là vợ chồng.

[2] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông **Trần Thanh T** phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013457 ngày 17/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước; ông **T** đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai, ông **Trần Thanh T** và bà **Nguyễn Kim D** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Hiền**